

Bản án số: **13** /2018/DS-ST
Ngày: 26-9-2018
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hiền.
2. Ông Hồ Văn Sao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc “tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1974; *vắng mặt*.
2. Chị Trần Thị Ý N, sinh năm 1979; *có mặt*.

Đều ở địa chỉ: Thôn HT, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Minh K: Chị Trần Thị Ý N, sinh năm 1979, Địa chỉ: Thôn HT, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04-5-2018).

- Bị đơn:

1. Ông Đào Quang L1, sinh năm 1959; *có mặt*.
2. Ông Đào Xuân H1, sinh năm 1955; *có mặt*.
3. Ông Đào Xuân H2, sinh năm 1960; *có mặt*.
4. Ông Đào Xuân H3 (T), sinh năm 1966; *có mặt*.
5. Ông Nguyễn Xuân L2, sinh năm 1969; *có mặt*.

6. Anh Văn Tấn N, sinh năm 1974; *có mặt*.
7. Anh Nguyễn T1, sinh năm 1974; *có mặt*.
8. Anh Hà Văn T2, sinh năm 1971; *có mặt*.
9. Chị Phạm Thị H4, sinh năm 1983; *có mặt*.
10. Anh Lê Hồng P, sinh năm 1991; *có mặt*.

Đều ở địa chỉ: Thôn QH, xã S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lê Hồng L3, sinh năm 1986; *có mặt*.
2. Chị Đào Thị H5, sinh năm 1967; *có mặt*.

Đều ở địa chỉ: Thôn QH, xã S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1964; *vắng mặt*.
2. Anh Nguyễn Đình L4, sinh năm 1990; *có mặt*.

Đều ở địa chỉ: Thôn HT, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13-4-2018, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Ý N và anh Nguyễn Minh K (do chị N là người đại diện) trình bày:

Năm 2015, vợ chồng chị có mua một cặp lợn giống lai rừng về nuôi tại vườn nhà để cải thiện kinh tế, đã hình thành cặp lợn giống sinh sản gồm một lợn đực và một cái; thỉnh thoảng lợn đực xổng chuồng ra ngoài kiếm ăn ở khu vực dân cư lân cận. Tối ngày 06-01-2018, vợ chồng có việc về quê vì bố ốm nặng nên không kịp đưa lợn vào chuồng. Sáng ngày 07-01-2018, chị có nhận điện thoại từ anh Văn Tấn N hỏi có bị mất lợn không thì chị trả lời đang ở Huế, coi chừng bắt nhầm lợn, sau đó anh N tắt điện thoại.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi chị và anh K lên nhà thì nghe cháu Ngô Thị Tuyết N nói lợn bị chú N (Văn Tấn Nc) và chú T (Đào Xuân H3) bắt làm thịt rồi. Sau đó, vợ chồng chị lên nhà anh N thì thấy có nhiều người đang ăn uống, hát với nhau. Chị vào hỏi thì anh N nhận có bắt được một con lợn đực lai rừng, nặng 43 kg. Tại nhà của anh N vẫn còn giữ phần đầu của con lợn, chị có vào xem và nhận đúng là lợn của chị. Ông Đào Quang L1 có dùng điện thoại di động chụp lại ảnh khi giết thịt lợn nhưng sau khi đưa cho anh K xem thì ông L1 đã xóa ảnh.

Sau đó, chị nhiều lần liên hệ để thương lượng việc đền bù nhưng những người bắt lợn không chấp nhận nên đã gửi đơn đề nghị Công an giải quyết. Công an xã S phối hợp với Công an huyện A tiến hành làm việc, giải quyết nhiều lần. Chị đề nghị đền bù từ 4 triệu đồng trở lên nhưng những người gây thiệt hại không đồng ý mà chỉ chấp nhận thỏa thuận đền bù từ 2 đến 3 triệu

đồng. Con lợn của gia đình là lợn đực giống, thời điểm mua giá 200.000 đồng/kg, trọng lượng đến 43 kg theo thừa nhận của anh N thì với số tiền đền bù 2 đến 3 triệu đồng là quá thấp nên chị không chấp nhận.

Do đó, chị và anh K khởi kiện yêu cầu những người gây thiệt hại phải liên đới bồi thường thiệt hại con lợn 43 kg theo giá 200.000 đồng/kg là 8.600.000 đồng nhưng theo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải đã thống nhất xác định trị giá lợn là 150.000 đồng/kg nên yêu cầu bồi thường số tiền là 6.450.000 đồng.

Bị đơn là ông Đào Quang L1, ông Đào Xuân H1, ông Đào Xuân H2, ông Đào Xuân H3 (T), ông Nguyễn Xuân L2, anh Văn Tấn N, anh Nguyễn T1, anh Hà Văn T2, chị Phạm Thị H4 và anh Lê Hồng P không có yêu cầu phản tố. Tại Văn bản ngày 20-5-2018, lời khai và tại phiên tòa, các bị đơn thống nhất trình bày như sau:

Ở miền núi, lợn rừng về phá hoại hoa màu của bà con từ trước đến nay đã nhiều lần. Sáng ngày 07-01-2018, phát hiện một con lợn rừng (lợn đực) về ở phía sau lưng vườn nhà ông Đào Quang L1 tại thôn QH, xã S nên ông L1, ông H1, ông H2, ông H3 (T), ông L2, anh N, anh T1, anh T2, chị H4, anh P đã cùng nhau vây bắt, đánh tại vườn nhà ông L1. Sau khi bắt được lợn, thấy sai muốn thu giấu nhưng bà con nói lợn rừng về phá hoại, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, đã đánh chết, làm thịt kéo lạng phí nên đưa đến nhà ông H3 (T) giết thịt, bán một phần được một triệu đồng, chia mỗi người một ít, phần còn lại đưa sang nhà anh N ăn uống, liên hoan với nhau. Địa điểm bắt được lợn cách nhà anh K khoảng hơn một km. Sau khi vây bắt và giết lợn làm thịt thì không có ai thông báo cho chính quyền.

Tối cùng ngày, chị N và anh K đến nhà anh N và nói là đã bắt lợn của họ và sau đó đã có đơn đề nghị đến chính quyền. Khi Công an xã S và Công an huyện A làm việc, giải quyết thì mặc dù chị N và anh K không chứng minh được là lợn của họ nhưng theo vận động, có 12 người tham gia vào việc vây bắt, giết lợn làm thịt ăn uống, liên hoan đã trao đổi thống nhất với nhau là góp lại số tiền khoảng 3.000.000 đồng hỗ trợ cho bên mất lợn nhưng chị N không chấp nhận mà đòi số tiền lớn hơn; do đó, hai bên không thỏa thuận được với nhau. Việc chị N và anh K khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại con lợn với số tiền là 8.600.000 đồng thì không chấp nhận do không có chứng cứ gì chứng minh.

Anh Văn Tấn N trình bày bổ sung: Sau khi cùng nhiều người vây bắt được lợn thì anh có gọi điện thoại cho chị N hỏi có bị mất lợn không do là bạn của anh K nên anh biết anh K có nuôi lợn lai rừng ở nhà. Anh không báo chính quyền địa phương việc bắt, giết lợn làm thịt. Anh có tham gia làm việc tại Công an xã S. Việc thống nhất hỗ trợ tiền mua con giống cho chị N và anh K là trên cơ sở “tình người”, “xót người mất của”.

Ông Đào Quang L1 trình bày bổ sung: Ông là người phát hiện con lợn về sau vườn nhà nên có hô bắt lợn rừng. Sau khi bắt được lợn thì làm thịt tại nhà ông H3 (T). Ông có dùng điện thoại di động chụp ảnh con lợn khi làm thịt. Khi anh K nói là lợn lai của gia đình thì ông nói là lợn rừng và có đưa cho anh K

xem để chứng minh, sau đó ông đã xóa hai bức ảnh do điện thoại có quá nhiều ảnh. Chị N nuôi lợn nhưng không có đăng ký, lợn xổng chuồng không có thông báo đến thôn, xã. Việc ông chấp nhận hỗ trợ tiền khi làm việc, giải quyết tại xã S là trên “tình thần nhân văn” để phía anh K mua lại con giống, không phải chấp nhận đền bù.

Ông Đào Xuân H3 (T) trình bày bổ sung: Ông có tham gia vào việc vây bắt vào ngày 07-01-2018, sau đó đưa lợn đến làm thịt tại nhà của ông, trọng lượng của lợn khoảng 30-32 kg. Việc chấp nhận hỗ trợ tiền khi làm việc, giải quyết tại xã S là vì tình hàng xóm láng giềng với nhau, vì “thương người mất của”.

Ông Nguyễn Xuân L2 trình bày bổ sung: Ông có tham gia làm việc, giải quyết tại Công an xã S. Việc chấp nhận hỗ trợ cho “thương xót người mất của” nhưng chị N không đồng ý. Chị N không có cơ sở chứng minh con lợn đã bắt là của chị, giá trị khai mỗi lúc khác nhau nên không chấp nhận.

Ông Đào Xuân H1 trình bày bổ sung: Ông có tham gia cùng với nhiều người vây bắt lợn sau vườn nhà ông L1, cách nhà anh K hơn một km, là lợn rừng. Khi Công an xã S làm việc, giải quyết thì nghĩ “tình thương xót bên mất của” nên thống nhất góp một phần hỗ trợ tiền con giống.

Ông Đào Xuân H2 trình bày bổ sung: Ông có tham gia vào việc vây bắt, đập và giết thịt con lợn rừng để liên hoan vào ngày 07-01-2018. Việc cùng nhau đồng ý thỏa thuận hỗ trợ cho phía chị N khi Công an xã S làm việc, giải quyết là vì tình hàng xóm láng giềng và “thương người mất của”.

Chị Phạm Thị H4 trình bày bổ sung: Con lợn mà chị và nhiều người vây bắt ngày 07-01-2018 là lợn rừng đã về phá hoa màu đã hơn 20 ngày. Sau khi bắt, đập và giết lợn làm thịt thì không thông báo chính quyền. Chị có tham gia làm việc, giải quyết tại Công an xã S hai lần, đến lần ngày 14-02-2018 thì chị không tham gia làm việc được nhưng nghe thông tin là thống nhất hỗ trợ cho phía chị N trên cơ sở “tình người”.

Anh Hà Văn T2 trình bày bổ sung: Anh có đến xem việc vây bắt con lợn vào ngày 07-01-2018 do nhiều người ở xóm hô bắt lợn. Sau đó, có tham gia làm thịt để liên hoan với nhau do mới mua hệ thống âm thanh. Anh có biết anh N gọi điện thoại hỏi có phải lợn của chị N không nhưng phía chị N không đến nhận có phải là lợn của họ không mà đến khi ăn uống xong thì mới cho rằng lợn của họ. Khi làm thịt lợn tại nhà ông H3 thì có cân trọng lượng lợn. Việc vây bắt, giết thịt lợn để liên hoan là công khai, gần nhà nhiều cán bộ ở thôn, xã nên không báo chính quyền. Khi Công an làm việc, giải quyết là do nhận thấy hai bên đều có phần lỗi, phía anh K nuôi lợn để xổng chuồng phá hoa màu của bà con nhưng không thông báo, những người bắt lợn không biết là lợn của nhà anh K nên lỡ bắt làm thịt nên chấp nhận hỗ trợ một phần tiền cho chủ nuôi lợn.

Anh Nguyễn T1 trình bày bổ sung: Anh có tham gia vây bắt, đập con lợn vào sáng ngày 07-01-2018 do có anh N và ông L2 đến gọi bắt lợn rừng; sau khi bắt được thì anh về nhà làm việc, đến gần 15 giờ mới đến liên hoan. Anh thấy

con lợn hoàn toàn giống lợn rừng. Anh tham gia làm việc một lần tại Công an xã S nhưng lần này không có thỏa thuận gì.

Anh Lê Hồng P trình bày bổ sung: Anh có tham gia vào việc vây bắt, làm thịt lợn và liên hoan với nhiều người vào ngày 07-01-2018 do nhiều người ở cùng xóm hô bắt lợn rừng. Sau khi bắt được lợn thì không báo cho chính quyền vì nghĩ là lợn rừng. Khi anh K có đơn trình, Công an xã S có báo tham gia làm việc nhưng anh không tham gia được vì đi làm ở địa bàn không liên lạc được qua điện thoại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lê Hồng L3 và chị Đào Thị H5 không có yêu cầu độc lập mà tham gia về phía bị đơn. Tại Văn bản ngày 20-5-2018, lời khai và tại phiên tòa, cả hai trình bày thống nhất như ý kiến của các bị đơn.

Chị Đào Thị H5 trình bày bổ sung: Chị không tham gia vào việc vây bắt lợn nhưng vào sáng ngày 07-01-2018, sau khi bán hàng về thì nghe nhiều người ở xóm nói bắt được lợn rừng, đang làm thịt nên chị có tham gia làm thịt và ăn uống, liên hoan. Chị cũng nghĩ là lợn rừng vì theo kinh nghiệm thấy lợn có xương rất cứng, da dày và lông rất dài. Chị không có tham gia làm việc, giải quyết tại Công an nhưng có biết là những người bắt lợn trao đổi hỗ trợ cho chị N số tiền để mua lại con giống nhưng chị N không chấp nhận. Trường hợp phía chị N chứng minh được là lợn của chị thì chấp nhận bồi thường.

Anh Lê Hồng L3 trình bày bổ sung: Anh không tham gia vây bắt, giết thịt lợn và liên hoan nhưng có biết việc bắt được lợn rừng làm thịt và thống nhất cùng tham gia, được chia một phần thịt lợn. Anh không có tham gia giải quyết tại Công an xã S nên không biết ý kiến của các bên. Trường hợp phía chị N chứng minh được là lợn của chị thì chấp nhận bồi thường.

Tại Văn bản ngày 09-4-2018 và quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Nguyễn Văn Y trình bày: Ông ở cùng thôn với vợ chồng chị N nên có biết chị N có nuôi lợn lai rừng tại nhà. Tháng 10-2017, ông có mua của chị N hai con lợn lai rừng để nuôi, giá 150.000 đồng/kg. Quá trình mua bán, ông quan sát thấy có một cặp lợn lai sinh sản gồm một lợn đực và một lợn cái. Theo ước lượng của ông thì trọng lượng lợn đực khoảng gần 50 kg. Đến đầu năm 2018, ông không còn thấy lợn đực giống nữa, lý do vì sao thì ông không biết. Ông cũng không biết việc người dân ở thôn QH bắt được lợn vào ngày 07-01-2018.

Tại Văn bản ngày 09-4-2018 và quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là anh Nguyễn Đình L3 trình bày: Anh có thuê nhà để mở cơ sở sửa chữa xe máy cạnh nhà vợ chồng chị N nên thấy chị N có nuôi lợn lai rừng ở nhà gồm hai lợn giống và một số lợn con. Sáng ngày 07-01-2018, vợ chồng chị N có nhờ anh trông giúp nhà khi về quê. Sau đó, anh không biết lý do gì mà chị N liên lạc qua điện thoại nhờ anh quan sát giúp là có con lợn đực giống ở vườn nhà không. Anh có quan sát thì không thấy có con lợn đực giống ở nhà nữa. Con lợn bị bắt sáng ngày 07-01-2018 thì anh không biết.

Ngày 27-6-2018, Tòa án có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ. Ngày 28-6-2018, Công an xã S cung cấp cho Tòa án các tài liệu là Bản tự

khai của anh Văn Tấn Nc, Biên bản ghi lời khai ngày 11-01-2018 của chị Trần Thị Ý N, Biên bản ghi lời khai ngày 12-01-2018 của ông Nguyễn Xuân L2, Biên bản làm việc ngày 02-02-2018 và Biên bản giải quyết đơn trình ngày 14-02-2018.

Tại Biên bản xác minh ngày 28-6-2018, Trưởng Thôn HT, xã H trình bày: Vợ chồng bà N và anh K có nuôi lợn lai rừng tại nhà nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu con vì không đăng ký; thôn không biết thông tin lợn bị xổng chuồng.

Tại Biên bản xác minh ngày 28-6-2018, đại diện Ủy ban nhân dân xã H trình bày: Vợ chồng chị N và anh K có nuôi lợn lai rừng tại nhà nhưng không có kê khai, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã.

Tại Biên bản xác minh ngày 28-6-2018, ông Lê H là Trưởng Thôn QH, xã S trình bày: Ông không có quan hệ thân thích với vợ chồng chị N. Ông biết chị N có nuôi lợn lai rừng do ông làm nghề thú y, chị N có nhờ ông tiêm phòng cho lợn. Vào khoảng một tuần trước ngày 07-01-2018, ông và nhiều người ở cùng xóm phát hiện có con lợn màu đen về khu vực xóm nhưng không biết là lợn rừng hay lợn nuôi và cũng không biết có phải là lợn của vợ chồng chị N hay không. Các hộ dân bắt được lợn có gọi ông đến dự liên hoan nhưng ông không tham gia vì không uống được bia, rượu.

Tại Biên bản xác minh ngày 28-6-2018, bà Trương Thị C cư trú tại Thôn QH, xã S trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn T, cư trú cùng thôn với các hộ dân bắt được lợn nhưng khác xóm. Khoảng dịp gần Tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018, vợ chồng bà dậy sớm nên nhiều lần phát hiện có con lợn màu đen ở sân vườn; chồng của bà có dùng đèn pin để quan sát; nhiều người trong xóm cũng đã đuổi bắt nhưng không được. Sau khi nghe tin một số người trong thôn bắt được lợn rừng thì ông T có trao đổi lại là lợn của ai bị lạc chứ không phải lợn rừng vì quan sát thấy con lợn không có răng nanh và khi thấy người cũng không bỏ chạy ngay.

Tại Biên bản xác minh ngày 27-7-2018, ông Lê Minh R là chủ cơ sở chăn nuôi lợn lai rừng tại địa bàn huyện A cung cấp: Giá lợn lai rừng được xác định theo trọng lượng khi bán, thời điểm giá cao nhất là 150.000 đồng/kg.

Tại Văn bản ngày 19-7-2018, Hạt kiểm lâm huyện A cung cấp thông tin theo yêu cầu xác minh của Tòa án với nội dung: Hộ gia đình ông Nguyễn Minh K, bà Trần Thị Ý N không đăng ký cấp giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại. ...Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11-11-2013 của Chính phủ chỉ điều chỉnh xử phạt đối với hành vi nuôi nhốt động vật rừng trái quy định của pháp luật. Việc ông K, bà N nuôi lợn lai rừng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 157/2013/NĐ-CP nên không đủ cơ sở để xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Văn bản ngày 27-7-2018, Công an huyện A cung cấp thông tin theo yêu cầu xác minh của Tòa án với nội dung: Ngày 10-01-2018, Công an huyện A có tiếp nhận đơn trình của ông Nguyễn Minh K đề nghị đền bù tài sản, vật nuôi. Công an huyện A đã chuyển Công an xã S giải quyết. Các buổi làm việc có sự phối hợp tham gia của ông Hồ Xuân T, cán bộ phụ trách địa bàn; đã tiến hành

hòa giải, thương lượng 03 buổi, giữa hai bên không có thống nhất về mức bồi thường thiệt hại. Toàn bộ hồ sơ giải quyết vụ việc lưu tại Công an xã S.

Tại Văn bản ngày 04-8-2018, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện A cung cấp thông tin theo yêu cầu xác minh của Tòa án với nội dung: Lợn lai rừng con lai giữa lợn rừng và lợn địa phương từ đời F1 trở đi. Lợn lai rừng được phép nuôi khi đảm bảo điều kiện quy định tại các Điều 7 và 9 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25-9-2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16-7-2018 và ngày 10-8-2018, các đương sự thống nhất giá lợn là 150.000 đồng/kg.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để ra bản án xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Ý N, ông Nguyễn Minh K đòi bồi thường thiệt hại về tài sản; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Các bị đơn đều có nơi cư trú tại thôn QH, xã S, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện A Lưới thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc, thẩm quyền theo cấp Tòa án và thẩm quyền theo lãnh thổ được quy định tại khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Ý N và anh Nguyễn Minh K có nuôi lợn lai rừng sinh sản, trong đó có lợn đực là đúng thực tế, phù hợp với lời khai của những người làm chứng Nguyễn Văn Y, Nguyễn Đình L3 và kết quả xác minh tại Thôn trưởng Thôn HT và Ủy ban nhân dân xã H.

[3] Các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều thừa nhận vào sáng 07-01-2018 đã vây bắt một con lợn đực ở vườn nhà ông Đào Quang L1 tại thôn QH, xã S rồi giết thịt nên sự việc bắt, giết lợn làm thịt là có thật.

[4] Sau khi vây bắt được lợn, mặc dù không có trao đổi, bàn bạc với nhau nhưng anh Văn Tấn N đã gọi điện thoại cho chị N hỏi có phải là lợn của chị N không do anh N là bạn của anh K và biết vợ chồng chị N có nuôi lợn lai rừng như lời khai của anh N tại Công an xã S, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Chứng tỏ trong số người tham gia vây bắt lợn đã có người nghi ngờ có thể nhầm lẫn giữa lợn rừng và lợn khác.

Lẽ ra có nghi ngờ nhầm lẫn sau khi bắt được lợn thì phải thông báo cho chính quyền biết để xử lý, thông báo tìm kiếm chủ sở hữu nhưng không có ai thông báo mà đã làm thịt lợn để bán một phần, chia và ăn uống, liên hoan với nhau là chưa phù hợp với quy định về chiếm hữu tài sản theo Điều 165 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người bắt được lợn là ông Đào Quang L1 có dùng điện thoại chụp ảnh khi giết thịt lợn nhưng khi anh K cho là lợn của họ, các bên chưa tự hòa giải được, việc tranh chấp đang được Công an xã S giải quyết thì ông L đã xóa các bức ảnh. Lẽ ra, ông L1 phải giữ lại các bức ảnh để các bên có cơ sở xem xét đặc điểm của lợn, làm cơ sở giải quyết vụ việc có lý có tình nhưng ông L1 xóa các bức ảnh làm mất dấu vết là thiếu thiện chí.

Theo trình bày của ông Đào Xuân H1 tại Biên bản làm việc ngày 02-02-2018 ở Công an xã S có nội dung: “Không biết là heo rừng hay heo của ai hết nên mới bắt làm thịt” cho thấy sau khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì cũng không xác định được chính xác đã bắt được lợn rừng hay lợn thuộc sở hữu của người khác.

Lời khai của chị N lợn xông chuồng kiếm ăn ở khu vực dân cư lân cận là phù hợp kết quả xác minh của bà Trương Thị C và lời khai của chị Phạm Thị H4 về thời điểm phát hiện con lợn. Tại phiên tòa, chị H4 khai trước ngày 07-01-2018 khi làm ở vườn hoa màu của gia đình có phát hiện dấu chân lợn, chứ không thấy con lợn, cũng không thông báo việc phát hiện dấu vết của lợn đến thôn, xã và người khác. Thực tế sau khi các hộ dân bắt được lợn thì không còn phát hiện lợn về phá hoa màu và về khu vực dân cư lân cận nữa.

Do đó, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng bắt được lợn rừng là không có cơ sở.

[5] Sau khi chị N và anh K trình báo thì tại Biên bản giải quyết đơn trình ngày 14-02-2018, ý kiến của những người bắt được lợn thể hiện: “Về phía các bị đơn xin hỗ trợ số tiền 2.400.000 đồng”. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, các bị đơn trình bày việc đồng ý hỗ trợ khi Công an làm việc là trên cơ sở “tình người”, “tình thương”, “tính nhân đạo”, “tình thần nhân văn”, “tình thương mến thương”, “thương người mất của” nhưng tại các biên bản làm việc, giải quyết của Công an xã S không ghi các ý này mà những người tham gia làm việc trình bày thể hiện việc hỗ trợ cho vợ chồng chị N, anh K là người bị mất lợn ở các ý như “cho bên bị mất lợn”, “cho người mất của”, “để mua lại con giống”, phù hợp sự việc anh N gọi điện thoại cho chị N sau khi bắt được lợn và việc ông L1 xóa bức ảnh chụp khi làm thịt lợn.

Chúng tôi, những người bắt được lợn đã gián tiếp thừa nhận con lợn bắt và giết thịt ngày 07-01-2018 là lợn lai rừng nuôi của chị N và anh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đã có hành vi xâm phạm tài sản làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại, chủ sở hữu có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Điều 170 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Các đương sự thống nhất trị giá lợn là 150.000 đồng/kg. Mặc dù con lợn đã không còn nhưng quá trình tranh chấp, nguyên đơn xác định thống nhất trọng lượng của lợn là 43 kg theo lời thừa nhận ban đầu của anh N với chị N là “có cân trọng lượng của lợn”. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp nhận mà cho rằng con lợn 30 đến 32 kg.

Tuy nhiên, theo lời khai của ông Nguyễn Xuân L2 tại Công an xã S là “có cân trọng lượng khoảng 50 kg”. Anh Hà Văn T22 cũng trình bày khi làm thịt “có cân trọng lượng của lợn” nhưng anh và những người trực tiếp tham gia giết thịt lợn không cung cấp chính xác trọng lượng của lợn là không có thiện chí, trung thực khi tham gia quan hệ dân sự nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn và cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án. Trong trường hợp này, để có cơ sở giải quyết dứt điểm tranh chấp khi con lợn đã không còn, việc đổi chất tại phiên tòa cũng không có kết quả nên xác định trọng lượng của lợn 43 kg là có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Như vậy, giá trị của con lợn được xác định là $43 \text{ kg} \times 150.000 \text{ đồng/kg} = 6.450.000 \text{ đồng}$.

[7] Bên bắt lợn không có sự trao đổi, bàn bạc mà do nhầm lẫn nên có lỗi vô ý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được giảm một phần bồi thường thiệt hại tương ứng với 10% giá trị tài sản là $6.450.000 \text{ đồng} \times 10\% = 645.000 \text{ đồng}$ (Sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[8] Chị N, anh K nuôi lợn nhưng không kê khai, không thông báo việc lợn bị xổng chuồng, sau khi nhận được điện thoại về thông tin bắt được lợn nhưng không đến hoặc cử người đến để xem xét nên theo khoản 4 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có một phần lỗi phải giảm mức bồi thường tương ứng với 10% giá trị tài sản là $6.450.000 \text{ đồng} \times 10\% = 645.000 \text{ đồng}$ (Sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, giá trị thiệt hại còn phải bồi thường là $6.450.000 \text{ đồng} - 1.290.000 \text{ đồng} (645.000 \text{ đồng} + 645.000 \text{ đồng}) = 5.160.000 \text{ đồng}$ (Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

[9] Về thiệt hại hoa màu do lợn gây ra, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[10] Việc vây bắt, giết thịt lợn và hưởng lợi qua ăn uống, chia phần có nhiều người tham gia nên căn cứ vào Điều 288 và Điều 587 của Bộ luật Dân sự năm 2015 phải chịu trách nhiệm liên đới. Những người tham gia chỉ tiếp nhận mục đích của nhau, không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm nên không xác định mức độ lỗi của mỗi người mà buộc bồi thường theo phần bằng nhau.

Từ nhận định và căn cứ trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền là 5.160.000 đồng, chia phần mỗi người phải bồi thường là 5.160.000 đồng : 12 người = 430.000 đồng (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 165, 170, 275, 288, 468, 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Đào Quang L1, ông Đào Xuân H1, ông Đào Xuân H2, ông Đào Xuân H3 (T), ông Nguyễn Xuân L2, anh Văn Tấn N, anh Nguyễn T1, anh Hà Văn T2, chị Phạm Thị H4, anh Lê Hồng P, anh Lê Hồng L3 và chị Đào Thị H5 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại giá trị con lợn cho chị Trần Thị Ý N và anh Nguyễn Minh K là 5.160.000 đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng), phần mỗi người phải bồi thường là 430.000 đồng (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Ý N và anh Nguyễn Minh K không phải chịu án phí; số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/0041xx ngày 11-5-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế được hoàn trả lại cho chị N.

Ông Đào Quang L1, ông Đào Xuân H1, ông Đào Xuân H2, ông Đào Xuân H3 (T), ông Nguyễn Xuân L2, anh Văn Tấn N, anh Nguyễn T1, anh Hà Văn T2, chị Phạm Thị H4, anh Lê Hồng P, chị Đào Thị H5 và anh Lê Hồng L3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A Lưới;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA, án văn DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường